

Số: 254/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 7 năm 2023

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
giai đoạn 2023-2025

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTG ngày 31 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 120 ngày 23/3/2022 thực hiện Nghị quyết số 12-NQ-TU ngày 12/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Công văn số 3205/CVT-PTHT ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Cục Viễn thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số tại địa phương;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 2119/TTr-STTTT ngày 22/9/2022 và Tờ trình số 1752/TTr-STTTT ngày 30/6/2023, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch “Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025” như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Phát triển hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhu

cầu thông tin liên lạc, giải trí của Nhân dân; sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

b) Phát triển hạ tầng số đáp ứng xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện của tỉnh Thừa Thiên Huế. Nâng cao chất lượng mạng 4G, từng bước triển khai mạng 5G. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Thúc đẩy chuyển dịch từ dịch vụ viễn thông cơ bản sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông; tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông của tỉnh. Đảm bảo an toàn an ninh mạng lưới, giảm thiểu các sự cố mất thông tin liên lạc, đảm bảo môi trường, cảnh quan đô thị.

d) Cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp viễn thông phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Yêu cầu:

a) Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền Thông, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với định hướng của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn của tỉnh.

b) Tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan trong việc phát triển hạ tầng, cung cấp dịch vụ viễn thông cho chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số để phục vụ chuyển đổi số và dẫn dắt phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Phát triển hạ tầng số tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực và nền kinh tế đặc biệt là nền kinh tế số, kinh tế nền tảng số.

c) Phát triển hạ tầng số với năng lực, chất lượng cao, băng thông rộng tương đương các nước phát triển trên thế giới, đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

Mục tiêu đến năm 2025

a) Hạ tầng viễn thông băng rộng

- Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng di động đạt 100%.

- Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đạt 100%.
- Tỷ lệ dùng chung vị trí trạm BTS đạt 30%.
- Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp đạt 98%.
- Tỷ lệ dùng chung công bề cáp đạt 70%.
- Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đạt 100%.

b) Sử dụng dịch vụ viễn thông:

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (SMP)/tổng thuê bao điện thoại di động đạt 80%.

- Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu đạt 100%

- - Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet (bao gồm băng rộng cố định và băng rộng di động) đạt 90%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 100%

- 90% đường truyền Internet cố định có kết nối đến cá nhân tốc độ trung bình 200 Mb/s; 90% đường truyền Internet kết nối đến cơ quan, tổ chức có tốc độ trung bình 1 Gb/s.

- Mạng băng rộng di động với tốc độ trung bình 70Mb/s phủ sóng 100% dân số; 100% các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo có truy nhập Internet với tốc độ tối thiểu 1Gb/s.

- Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) độ trễ thấp sẵn sàng tại tất cả các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo; 100% hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị có khả năng tích hợp cảm biến và ứng dụng IoT.

- Phủ sóng kết nối IoT bao phủ các thành phố lớn, các khu công nghiệp, sản xuất; sẵn sàng cung cấp dịch vụ, khả năng tích hợp với tất cả các thành phần hạ tầng vật lý của các ngành y tế, giáo dục, giao thông, năng lượng, điện, nước..

c) Hạ tầng điện toán đám mây

- 100% cơ quan quản lý nhà nước dùng hệ sinh thái điện toán đám mây phục vụ Chính phủ số.

- 70% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

- Trung bình mỗi người dân có 1 tài khoản sử dụng dịch vụ điện toán

đám mây.

d) Hạ tầng công nghệ số:

- Các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (blockchain), Internet vạn vật (IoT) bước đầu thâm nhập vào nhiều lĩnh vực kinh tế và xã hội.

- Xây dựng và thiết lập ban đầu Hệ thống tiêu chuẩn AI, blockchain, IoT.

- Hình thành được nhóm các chuyên gia hỗ trợ sự phát triển công nghệ AI, blockchain, IoT được thành lập.

- Hệ sinh thái hạ tầng công nghệ AI, blockchain, IoT được hình thành.

- AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị.

đ) Nền tảng số:

- 100% cơ quan, tổ chức nhà nước, 70% doanh nghiệp sử dụng nền tảng số phục vụ chuyển đổi số.

- Hình thành hệ sinh thái nền tảng số đáp ứng cơ bản yêu cầu chuyển đổi số, được sử dụng sâu rộng để phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số quốc gia và trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn, góp phần quan trọng để đạt được các chỉ tiêu chiến lược quốc gia phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

III. NHIỆM VỤ

1. Đẩy mạnh đầu tư vào các hạ tầng băng rộng, ứng dụng các công nghệ mới

a) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao (Gb/s, Tb/s), tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định FTTH tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học,... Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng chất lượng cao trong các khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

b) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/...) trên phạm vi toàn tỉnh; thực hiện lộ trình dừng công nghệ di động cũ (2G/3G) và chương trình thúc đẩy sử dụng điện thoại thông minh cho người dân.

c) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) đáp ứng được yêu cầu của các lĩnh vực có liên quan như công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị; ứng dụng IoT vào quản lý,

giải quyết các mục tiêu về phát triển và quản lý hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng đô thị).

d) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng lưu trữ, dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc gia hướng đến mục tiêu đưa tỉnh trở thành trung tâm về lưu trữ và xử lý dữ liệu của khu vực miền trung.

đ) Đầu tư, xây dựng, phát triển, mở rộng hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây và mạng phân phối dữ liệu để chiếm lĩnh thị phần điện toán đám mây trong tỉnh.

e) Chuyển đổi toàn bộ mạng lưới, hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

g) Mở rộng vùng cung cấp dịch vụ viễn thông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa các phương thức cáp quang, di động, vệ tinh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

h) Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động/tích cực tích hợp với các hạ tầng liên ngành có tính thiết yếu như điện, nước); triển khai roaming trong nước trên các hạ tầng di động (4G/5G).

i) Triển khai các hoạt động thúc đẩy phổ cập điện thoại di động thông minh, hỗ trợ người dân tiếp cận nhanh với quá trình chuyển đổi số, khai thác hiệu quả các dịch vụ số.

2. Phát triển hạ tầng điện toán đám mây

a) Quy hoạch các trung tâm dữ liệu, dự phòng lẫn nhau qua kênh truyền cáp quang dùng riêng, có đường truyền Internet băng rộng tốc độ cao kết nối trực tiếp với trạm trung chuyển Internet quốc gia.

b) Tuyên truyền, khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân ưu tiên dùng các nền tảng điện toán đám mây, sản phẩm dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp.

c) Nghiên cứu, ban hành các chính sách, tiêu chuẩn yêu cầu tích hợp, sử dụng hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng IoT trong việc phát triển các lĩnh vực của kinh tế số như thương mại điện tử; chăm sóc sức khỏe từ xa; công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.

d) Xây dựng các quy định về tiêu chuẩn kết nối, dự phòng cho các kết nối vật lý, các nguồn cung cấp cơ sở thiết yếu (năng lượng, nước, cáp truyền thông)

cho các các khu công nghệ cao, khu CNTT tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo.

3. Chuyển đổi từ cung cấp dịch vụ viễn thông truyền thống sang cung cấp dịch vụ số, phát triển các nền tảng cung cấp hạ tầng như dịch vụ

a) Phát triển Chính phủ số, triển khai các hạ tầng số phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số.

b) Đầu tư, xây dựng, phát triển các nền tảng số cung cấp hạ tầng như dịch vụ, phục vụ cho các lĩnh vực kinh tế số, xã hội số.

4. Hạ tầng công nghệ số

Hạ tầng công nghệ số là các nền tảng dựa trên đám mây cung cấp các công cụ và hạ tầng công nghệ cần để xây dựng và triển khai các ứng dụng:

a) Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số (AI, blockchain, IoT) trong các lĩnh vực dịch vụ công như định danh số, lưu trữ dữ liệu và quản trị số, hỗ trợ tính minh bạch, bình đẳng và chính xác của các dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; phát triển đô thị thông minh.

b) Thiết lập hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về công nghệ số (AI, blockchain, IoT). Tích cực tham gia vào các hoạt động tiêu chuẩn hóa toàn cầu AI, blockchain, IoT và thiết lập tiêu chuẩn quốc tế.

c) Tăng cường nghiên cứu kỹ thuật trong các lĩnh vực chính như tính toán và lưu trữ phân tán, thuật toán mã hoá, cơ chế đồng thuận, hợp đồng thông minh, đồng thời xây dựng nền tảng cơ bản của AI, blockchain, IoT. Đối với trí tuệ nhân tạo tạo sinh nội dung (generative AI): ưu tiên nghiên cứu, xây dựng mô hình nền tảng (foundation model) mã mở, được huấn luyện bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Hỗ trợ việc sử dụng các cảm biến, mạng đáng tin cậy, phần mềm và phần cứng cũng như các công nghệ khác để thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu. Dữ liệu trở thành yếu tố đầu vào sản xuất mới.

d) Thúc đẩy việc tích hợp AI, blockchain, IoT, dữ liệu lớn (Bigdata), tính toán đám mây (Cloud Computing) tạo ra một hạ tầng công nghệ số an toàn, có thể kiểm soát và tương thích.

e) Tăng cường quản lý quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế, nhãn hiệu và bản quyền công nghệ số có giá trị cao. Khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác thiết lập một cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thông qua nhóm bằng sáng chế công nghệ số, liên minh sở hữu trí tuệ công nghệ số và các mô hình khác.

5. Phát triển nền tảng số:

Tập trung phát triển các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số của tỉnh bao gồm:

a) Phát triển các nền tảng số do cơ quan nhà nước chủ quản, doanh nghiệp Việt Nam phát triển, làm chủ công nghệ, sử dụng thống nhất trên toàn quốc, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội bao gồm: Nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia, Nền tảng địa chỉ số; Nền tảng bản đồ số; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; Nền tảng dạy học trực tuyến; Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS), Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ công chức và người dân.

b) Phát triển các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số ngành của các ngành, lĩnh vực: y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp.

c) Thúc đẩy phát triển các nền tảng số do doanh nghiệp làm chủ quản, làm chủ công nghệ, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức.

5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, quyền lợi người dùng

a) Xây dựng, ban hành và triển khai áp dụng khung quản lý an toàn cơ sở hạ tầng số, bảo đảm việc áp dụng thống nhất các chính sách, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo đảm an toàn đối với hạ tầng số.

b) Chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phát hiện, xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật; từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình.

c) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi cung cấp các dịch vụ trên nền tảng số cho tổ chức, cá nhân; có phương án, hệ thống dự phòng bảo đảm an toàn, an ninh cho các tình huống xấu nhất.

IV. GIẢI PHÁP

1. Thông tin, tuyên truyền

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử của các cấp, các ngành, mạng xã hội để từng bước nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu của các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình phát triển hạ tầng số phục vụ Chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

c) Tổ chức các hội thảo chuyên đề về phát triển triển hạ tầng viễn thông trở thành hạ tầng số; triển lãm về các giải pháp công nghệ mới phát triển hạ tầng số

của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh, tuyên dương các doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt chiến lược “Make in Viet Nam”.

2. Hạ tầng số là hạ tầng thiết yếu

a) Nghiên cứu, sửa đổi ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về việc tích hợp các thành phần của hạ tầng số (đặc biệt là hạ tầng băng rộng, hạ tầng IoT) trong các công trình xây dựng dân dụng.

b) Bảo đảm trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy hoạch của khu vực, của từng địa phương phải có phương án quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet, trạm kết nối quốc tế).

c) Xây dựng quy hoạch hạ tầng viễn thông tích hợp trong quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

d) Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

đ) Quản lý xây dựng và đảm bảo chất lượng xây dựng các công trình viễn thông theo quy định; tạo điều kiện bố trí vị trí (đất, trụ sở cơ quan, nhà dân,...) khi xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông;

e) Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, tỷ trọng kinh tế từ dịch vụ viễn thông cơ bản (thoại, dữ liệu) sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

3. Thu hút mọi nguồn lực của xã hội tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số

a) Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số;

b) Khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng, phát triển, khai thác hạ tầng viễn thông và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động (cột anten, cột treo cáp, cống bể cáp, hào và tuynel kỹ thuật); đa dạng hóa các dịch vụ viễn thông. Có cơ chế hỗ trợ để thu hút đầu tư viễn thông vào các vùng sâu, vùng xa và các vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh.

c) Có chính sách ưu tiên người sử dụng thiết bị do Việt Nam sản xuất và hỗ trợ, trợ giá cho các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, người có công trên địa bàn tỉnh đảm bảo 100% người dân được tiếp cận chương trình phổ cập điện thoại thông minh (smartphone).

d) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, tạo điều kiện để thiết lập từ các đặc khu thí điểm triển khai hạ tầng số.

4. Tạo đột phá về năng lực, mạng lưới

a) Triển khai các biện pháp phổ cập mạng băng thông rộng cáp quang hộ gia đình, phổ cập điện thoại di động thông minh, kết nối mọi người dân, mọi hộ gia đình. Nâng mức tiêu dùng dữ liệu tương đương với các nước phát triển.

b) Triển khai, xây dựng, mở rộng mạng cáp quang đất liền, mạng trục; có dự phòng; đảm bảo phát triển nhanh, bền vững.

c) Triển khai các biện pháp dùng chung, cùng phát triển, cùng khai thác hạ tầng.

5. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ

- Tập trung nguồn lực về tài chính và con người cho nghiên cứu, phát triển các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực viễn thông nhằm ứng dụng, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp viễn thông.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong việc thiết lập mạng lưới, cung cấp dịch vụ và sản xuất, lắp ráp các thiết bị đầu cuối viễn thông, đặc biệt là thiết bị di động, thiết bị thu xem truyền hình số nhằm giảm giá thành, phổ cập nhanh các dịch vụ viễn thông đến người dân với chất lượng tốt và giá cước hợp lý.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý, khai thác mạng lưới, cung cấp dịch vụ để giảm chi phí, giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời bảo đảm tính thống nhất, an toàn, an ninh thông tin.

6. Hợp tác trong nước và quốc tế

- Tăng cường trao đổi hợp tác với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về phát triển hạ tầng viễn thông trở thành hạ tầng số.

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực viễn thông. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác trong các tổ chức, diễn đàn quốc tế về viễn thông. Phối hợp trao đổi kinh nghiệm về xây dựng chính sách, pháp luật viễn thông, đào tạo chuyên gia quản lý, kỹ thuật viễn thông.

- Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực viễn thông phù hợp với pháp luật Việt Nam.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Ngân sách nhà nước được đảm bảo để phục vụ các hoạt động do các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh chủ trì thực hiện theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này.

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền về nội dung kế hoạch này và kết quả phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông, triển khai các giải pháp định hướng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh.

- Phối hợp với Sở, ban, ngành liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp viễn thông.

- Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin quản lý hạ tầng viễn thông tích hợp với bản đồ số; thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông.

- Là đầu mối tổng hợp, định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch này. Kịp thời tham mưu, báo cáo UBND tỉnh các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh các giải pháp thu hút các nguồn vốn đầu tư hợp pháp từ doanh nghiệp, xã hội để phát triển hạ tầng viễn thông theo đúng quy định.

3. Sở Tài chính

- **Chủ trì**, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh đảm bảo kinh phí để triển khai các hoạt động do các cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện theo quy định **của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.**

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc quản lý, sử

dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh phục vụ phát triển hạ tầng viễn thông theo đúng quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Sở Xây dựng

- Phối hợp với UBND các huyện, các thị xã, thành phố Huế lập danh mục các tuyến đường trong các đô thị cần phải xây dựng sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng viễn thông sử dụng chung; tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng viễn thông sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn; các sự cố về công trình hạ tầng viễn thông sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các cơ quan liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng.”

5. Các Sở, ban, ngành khác

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ được giao.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế

- Hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phối hợp các phòng chuyên môn thuộc Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo đúng quy định của pháp luật.

- Rà soát, đánh giá chất lượng thiết bị kỹ thuật của đài truyền thanh cấp xã xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh.

7. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông

- Trên cơ sở những nội dung định hướng của tỉnh nêu tại kế hoạch này, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả phục vụ Chương trình chuyển đổi số của tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; chấp hành các quy định về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật; tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật liên ngành; xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng chung do doanh nghiệp đầu tư.

- Phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị và các doanh nghiệp liên quan đến đầu tư hạ tầng, thống nhất phương án đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

8. Các cơ quan Đài, báo chí trên địa bàn tỉnh

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số của tỉnh Thừa Thiên Huế. Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trong quá trình phát triển hạ tầng số phục vụ Chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch “Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025”. UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị ở Mục VI;
- Đài PTTH, Báo Thừa Thiên Huế;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Lưu VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình